

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú và ông Nguyễn Đức Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đậu Thị M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm 2, thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh N vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/01/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đậu Thị M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị M và anh Trương N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N thường xuyên uống rượu, chửi mắng và đánh chị M. Cuộc sống gia đình thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị M và anh N không còn tin tưởng lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2018, không quan tâm chăm sóc cho nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trương N.

Về con chung: Chị Đậu Thị M trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên là Trương Thanh Trúc L, sinh ngày 06/10/2010. Chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu

cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đậu Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Đậu Thị M đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh cháu L; bản photo sổ hộ khẩu gia đình; bản sao sổ tạm trú; bản sao chứng minh nhân Đậu Thị M, Trương N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 24/3/2021, chính quyền địa phương cho biết, vợ chồng chị Đậu Thị M và anh Trương N đã xảy ra mâu thuẫn nhiều năm, không còn chăm lo đến cuộc sống của nhau nữa. Do việc tổng đạt trực tiếp không thực hiện được nên đã tiến hành niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 15/4/2021, Tòa án mở phiên tòa và đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh Trương N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào ngày 14/5/2021, đồng thời tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh N. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội nên Tòa án thay đổi thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 04/6/2021. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh N tiếp tục vắng mặt, chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần vắng mặt nên đã làm ảnh hưởng tiến độ giải quyết vụ án, chị M có đơn xin vắng mặt nên cần chấp nhận.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án là hợp lệ nhưng bị đơn là anh Trương N vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị M và anh Trương N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N là hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân giữa chị M và anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa hai người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không quan tâm đến cuộc sống gia đình, giữa hai người thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị M và anh N không còn tin tưởng lẫn nhau và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Không ai còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đậu Thị M.

[2.2] Về con chung: Cháu Trương Thanh Trúc L, sinh ngày 06/10/2010 hiện đang ở với chị Đậu Thị M và có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, anh Trương N vắng mặt tại Tòa án nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M về việc nuôi con. Giao cháu Trương Thanh Trúc L cho chị Đậu Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong các buổi làm việc tại Tòa án, Tòa án đã giải thích nhưng chị Đậu Thị M không yêu cầu anh Trương N cấp dưỡng nuôi con và cam đoan đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đậu Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đậu Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đậu Thị M. Chị Đậu Thị M được ly hôn với anh Trương N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Thanh Trúc L, sinh ngày 06/10/2010 cho chị Đậu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trương N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Đậu Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001707 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị M đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang